

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Bản Piềng**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NÔNG VĂN CHỨC	Nam	25/12/1984	Xóm Bản Piềng	120	30	Hộ nghèo
2	MA THẾ VINH	Nam	15/02/1996	Xóm Bản Piềng	130	40	Hộ nghèo
3	TRẦN THỊ MAI	Nữ	25/08/1941	Xóm Bản Piềng	120	20	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LUÔNG VĂN PHÚ	Nam	06/10/1987	Xóm Bản Piềng	195	0	Hộ không nghèo
2	LÝ VĂN MINH	Nam	15/07/1976	Xóm Bản Piềng	175	10	Hộ không nghèo
3	MA THỊ ANH	Nữ	21/01/1963	Xóm Bản Piềng	135	20	Hộ cận nghèo
4	MA THỊ XƯA	Nữ	05/01/1967	Xóm Bản Piềng	140	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Nguyễn Bình

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TRẦN THỊ NHU	Nữ	18/08/1941	Xóm Nguyễn Bình	115	40	Hộ nghèo
2	TRIỆU THỊ TOM	Nữ	06/03/1961	Xóm Nguyễn Bình	100	50	Hộ nghèo
3	NGUYỄN XUÂN KÍNH	Nam	15/04/1948	Xóm Nguyễn Bình	105	40	Hộ nghèo
4	NGUYỄN THỊ DUYẾN	Nữ	19/08/1989	Xóm Nguyễn Bình	130	10	Hộ cận nghèo
5	TRẦN VĂN SANG	Nam	09/12/1946	Xóm Nguyễn Bình	105	50	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TRIỆU THỊ ON	Nữ	15/10/1956	Xóm Nguyễn Bình	130	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	01/11/1962	Xóm Nguyễn Bình	135	20	Hộ cận nghèo
3	CHU THỊ HẰNG	Nữ	01/04/1976	Xóm Nguyễn Bình	135	10	Hộ cận nghèo
4	MA PHÚC ÁI(Đã chết) vợ là HOÀNG THỊ DUYẾN	Nam	23/03/1959	Xóm Nguyễn Bình	130	30	Hộ cận nghèo
5	MA PHÚC THÔN	Nam	15/11/1982	Xóm Nguyễn Bình	170	0	Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 04 hộ nghèo; - Có: 05 hộ cận nghèo; - Có: 01 hộ không nghèo.					

BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thanh Phong

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA PHÚC NGŨ	Nam	28/11/1964	Xóm Thanh Phong	195	0	Hộ không nghèo
2	MA THỊ LÀ	Nữ	15/08/1962	Xóm Thanh Phong	125	30	Hộ nghèo
3	ĐÌNH THỊ VỊNH	Nữ	28/08/1954	Xóm Thanh Phong	105	30	Hộ nghèo
4	MA THỊ LỢI	Nữ	29/12/1960	Xóm Thanh Phong	80	30	Hộ nghèo
5	TRẦN ĐÌNH ĐÔNG (Đã chết) Vợ NGUYỄN THỊ THUA	Nam	20/07/1961	Xóm Thanh Phong	0	0	Hộ không nghèo
6	MA THỊ ENG	Nữ	01/11/1952	Xóm Thanh Phong	110	40	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA PHÚC MỪNG	Nam	14/04/1958	Xóm Thanh Phong	95	20	Hộ cận nghèo
2	LƯƠNG VĂN VÀNG	Nam	19/09/1941	Xóm Thanh Phong	95	20	Hộ cận nghèo
3	CAO THỊ XUYẾN	Nữ	01/08/1958	Xóm Thanh Phong	120	10	Hộ cận nghèo
4	TRẦN THỊ HỘI	Nữ	01/10/1973	Xóm Thanh Phong	135	0	Hộ cận nghèo
5	MA PHÚC THAO	Nam	23/04/1975	Xóm Thanh Phong	155	0	Hộ không nghèo
6	MA THỊ CHỎI	Nữ	28/09/1964	Xóm Thanh Phong	120	20	Hộ cận nghèo
7	TRẦN THỊ ĐÔNG	Nữ	04/12/1967	Xóm Thanh Phong	120	20	Hộ cận nghèo
8	NÔNG VĂN THU	Nam	01/06/1980	Xóm Thanh Phong	95	10	Hộ cận nghèo
9	MA THỊ LƯƠNG	Nữ	06/12/1967	Xóm Thanh Phong	105	20	Hộ cận nghèo
10	MA THỊ THẢO	Nữ	09/06/1988	Xóm Thanh Phong	100	30	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 04 hộ nghèo; - Có: 09 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.					

BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thanh Trung**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA ĐÌNH VINH	Nam	05/04/1987	Xóm Thanh Trung	120	30	Hộ nghèo
2	MA PHÚC THANH	Nam	17/10/1970	Xóm Thanh Trung	115	30	Hộ nghèo
3	NGUYỄN CÔNG TÔN	Nam	03/03/1973	Xóm Thanh Trung	115	30	Hộ nghèo
4	DIỆP THỊ TƯ	Nữ	27/08/1961	Xóm Thanh Trung	105	30	Hộ nghèo
5	MA THỊ KIÊM	Nữ	01/01/1933	Xóm Thanh Trung	0	0	Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	PHƯƠNG THỊ HƯƠNG	Nữ	19/02/1982	Xóm Thanh Trung	135	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN THỊ MỸ	Nữ	01/04/1949	Xóm Thanh Trung	130	20	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN CÔNG TỐ	Nam	15/09/1992	Xóm Thanh Trung	110	20	Hộ cận nghèo
4	MA TIẾN NƯỚC	Nam	29/10/1957	Xóm Thanh Trung	145	0	Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 04 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thanh Định**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ THÔNG	Nữ	12/12/1962	Xóm Thanh Định	100	30	Hộ nghèo
2	MA THỊ MẠI	Nữ	13/12/1961	Xóm Thanh Định	100	30	Hộ nghèo
3	NGUYỄN VĂN YÊN	Nam	26/06/1986	Xóm Thanh Định	155	0	Hộ không nghèo
4	MA THỊ TỊNH	Nữ	19/09/1960	Xóm Thanh Định	100	30	Hộ nghèo
5	MA DUY NGOẠT	Nam	01/08/1952	Xóm Thanh Định	95	30	Hộ nghèo
6	MA THỊ HƯƠNG	Nữ	25/05/1983	Xóm Thanh Định	100	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ THÊM	Nữ	07/09/1974	Xóm Thanh Định	135	0	Hộ cận nghèo
2	MA ĐÌNH THAO	Nam	22/03/1978	Xóm Thanh Định	140	10	Hộ cận nghèo
3	MA THỊ BẮC	Nam	03/06/1968	Xóm Thanh Định	175	20	Hộ không nghèo
4	MA THẾ THƯỜNG	Nam	19/02/1952	Xóm Thanh Định	130	10	Hộ cận nghèo
5	MA THẾ TÝ	Nam	12/12/1984	Xóm Thanh Định	135	10	Hộ cận nghèo
6	LƯỜNG TRUNG TUÂN	Nam	03/10/1969	Xóm Thanh Định	125	10	Hộ cận nghèo
7	MA ĐÌNH GA	Nam	04/11/1984	Xóm Thanh Định	160	10	Hộ không nghèo
8	MA THỊ HỘI	Nữ	15/07/1975	Xóm Thanh Định	110	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 06 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thanh Xuân**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HOÀNG VĂN SÁNG	Nam	08/01/1991	Xóm Thanh Xuân	115	30	Hộ nghèo
2	MA THỊ CHÂM	Nữ	14/10/1963	Xóm Thanh Xuân	120	50	Hộ nghèo
3	NGUYỄN THỊ AI	Nữ	05/10/1954	Xóm Thanh Xuân	105	30	Hộ nghèo
4	MA THỊ TÂM	Nữ	23/01/1967	Xóm Thanh Xuân	120	20	Hộ cận nghèo
5	MA PHÚC TON	Nam	25/12/1970	Xóm Thanh Xuân	100	30	Hộ nghèo
6	TRƯƠNG DOÃN ĐIỆP	Nam	01/08/1986	Xóm Thanh Xuân	125	20	Hộ cận nghèo
7	NGUYỄN THỊ THU	Nam	12/12/1958	Xóm Thanh Xuân	125	10	Hộ cận nghèo
8	MA VĂN BIÊN	Nam	18/10/1989	Xóm Thanh Xuân	170		Hộ không nghèo
9	TRƯƠNG DOÃN HẠ	Nam	06/12/1976	Xóm Thanh Xuân	130	30	Hộ nghèo
10	MA DOÃN TRÌNH	Nam	08/3/1981	Xóm Thanh Xuân	130	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA DOÃN SƠN	Nam	02/03/1960	Xóm Thanh Xuân	150	10	Hộ không nghèo
2	MA TIẾN XÂM	Nam	06/02/1967	Xóm Thanh Xuân	155	0	Hộ không nghèo
3	MA THỊ YÊU	Nữ	09/05/1985	Xóm Thanh Xuân	135	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 06 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Nà Chèn**

*(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)*

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ THÊU	Nữ	14/06/1970	Xóm Nà Chèn	120	30	Hộ nghèo
2	PHAN THỊ TỰ	Nữ	01/04/1975	Xóm Nà Chèn	110	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LA TIẾN MINH	Nam	20/04/1945	Xóm Nà Chèn	130	20	Hộ cận nghèo
2	MA THỊ BÍCH	Nữ	20/01/1985	Xóm Nà Chèn	170		Hộ không nghèo
3	LA TIẾN THÁI	Nam	28/10/1958	Xóm Nà Chèn	105	20	Hộ cận nghèo
4	LA TIẾN BÁCH	Nam	01/01/1987	Xóm Nà Chèn	120	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Văn Lang**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ THÈ	Nữ	07/06/1957	Xóm Văn Lang	125	30	Hộ nghèo
2	NGUYỄN VĂN KHỎE	Nam	05/06/1960	Xóm Văn Lang	135	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THÈ ĐẠT	Nam	19/05/1945	Xóm Văn Lang	135	10	Hộ cận nghèo
2	LỘ VĂN TOÀN	Nam	27/04/1991	Xóm Văn Lang	165	0	Hộ không nghèo
3	MA THỊ CHỈ	Nữ	29/12/1961	Xóm Văn Lang	135	10	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN VĂN NHƯỞNG	Nam	23/05/1963	Xóm Văn Lang	130	10	Hộ cận nghèo
5	MA DOÃN TỰ	Nam	26/12/1984	Xóm Văn Lang	175	0	Hộ không nghèo
6	VŨ TRUNG KIÊN	Nam	10/06/1968	Xóm Văn Lang	135	10	Hộ không nghèo
7	NGUYỄN THÈ THANH	Nam	15/12/1957	Xóm Văn Lang	135	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Bản Piềng**

*(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)*

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
	MA THỊ SON	Nữ	15/10/1964	Xóm Đồng Chua	110	50	Hộ nghèo
	MA DOÃN NƠI	Nam	11/09/1989	Xóm Đồng Chua	90	50	Hộ nghèo
	LA TIẾN THAO	Nam	10/06/1953	Xóm Đồng Chua	0	0	Hộ không nghèo
	SÁI THỊ TƯỞI	Nữ	25/10/1977	Xóm Đồng Chua	140	40	Hộ nghèo
	MA VĂN TẬP	Nam	23/12/1971	Xóm Đồng Chua	135	40	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 04 hộ nghèo; - Có: 0 hộ cận nghèo; - Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Vũ Lương**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ THANH	2	1932	Xóm Vũ Lương	0	0	Chết
2	NGHIÊM THỊ CỎI	2	1945	Xóm Vũ Lương	105	30	Hộ nghèo
3	NGUYỄN THỊ QUỶ	2	1953	Xóm Vũ Lương	100	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN THỊ NGA	2	1952	Xóm Vũ Lương	95	30	Hộ nghèo
5	ĐẶNG THỊ KIM	2	1968	Xóm Vũ Lương	105	30	Hộ nghèo
6	LÝ VĂN THỜI	1	1988	Xóm Vũ Lương	150	0	Hộ không nghèo
7	ĐẶNG THỊ HỢI	2	1951	Xóm Vũ Lương	115	20	Hộ cận nghèo
8	ĐỖ VĂN HỆ	1	1942	Xóm Vũ Lương	95	30	Hộ nghèo
9	NGUYỄN THỊ NGOAN (Đặng Văn Đông)	2	1959	Xóm Vũ Lương	130	20	Hộ cận nghèo
10	ĐÀM THỊ HẢO	2	1950	Xóm Vũ Lương	110	30	Hộ nghèo
11	QUÁCH THỊ KỶ	2	1948	Xóm Vũ Lương	100	30	Hộ nghèo
12	NGUYỄN THỊ BÉ	2	1957	Xóm Vũ Lương	125	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	BÙI THỊ HỒNG NA	2	1975	Xóm Vũ Lương	105	20	Hộ cận nghèo
2	BÙI THỊ THANH	2	1959	Xóm Vũ Lương	105	20	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN ĐĂNG TƯỜNG	1	1981	Xóm Vũ Lương	120	20	Hộ cận nghèo
4	ĐẶNG VĂN ĐỘ	1	1959	Xóm Vũ Lương	115	20	Hộ cận nghèo
5	PHẠM THỊ MÍT	2	1947	Xóm Vũ Lương	95	20	Hộ cận nghèo
6	NGUYỄN ĐĂNG THỊNH	1	1991	Xóm Vũ Lương	150	0	Hộ không nghèo
7	ĐẶNG THỊ MỸ	2	1957	Xóm Vũ Lương	115	20	Hộ cận nghèo
8	ĐẶNG VĂN TÚ	1	1986	Xóm Vũ Lương	120	20	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 07 hộ nghèo; - Có: 10 hộ cận nghèo; - Có: 01 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Tân Lợi**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	ĐỖ NGỌC VIỆT	1	1961	Xóm Tân Lợi	110	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HOÀNG VĂN THÚ	1	1950	Xóm Tân Lợi	135	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN THỊ NHU	2	1975	Xóm Tân Lợi	130	20	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN VĂN LONG	1	1943	Xóm Tân Lợi	145	0	Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 01 hộ nghèo; - Có: 02 hộ cận nghèo; - Có: 01 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quyết Tâm**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	DƯƠNG VĂN TIẾN	1	1954	Xóm Quyết Tâm	125	30	Hộ nghèo
2	NGUYỄN THỊ CƯƠNG	2	1934	Xóm Quyết Tâm	120	30	Hộ nghèo
3	NGUYỄN THỊ HẢO	2	1956	Xóm Quyết Tâm			Chết
4	NGUYỄN THỊ SỬU	2	1961	Xóm Quyết Tâm	50	30	Hộ nghèo
5	DƯƠNG THỊ KIM	2	1968	Xóm Quyết Tâm	140	10	Hộ cận nghèo
6	NGUYỄN VĂN KHÔI	1	1937	Xóm Quyết Tâm	135	30	Hộ nghèo
7	NGUYỄN QUANG HỒNG	1	1978	Xóm Quyết Tâm	140	20	Hộ cận nghèo
8	NGUYỄN THỊ ĐẸP	2	1978	Xóm Quyết Tâm	125	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	ĐÀO DUY KHIÊM	1	1990	Xóm Quyết Tâm	145	30	Hộ không nghèo
2	TRẦN VĂN SINH	1	1959	Xóm Quyết Tâm	170	20	Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Quang Vinh**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN ĐÌNH DÂN	1	1955	Xóm Quang Vinh	110	10	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN ĐÌNH NĂM	1	1989	Xóm Quang Vinh	120	30	Hộ nghèo
3	NGUYỄN THỊ HẠNH	2	1943	Xóm Quang Vinh	135	30	Hộ nghèo
4	LÊ THỊ NGA	2	1952	Xóm Quang Vinh	120	30	Hộ nghèo
5	TRẦN VĂN CHỨC	1	1977	Xóm Quang Vinh	110	30	Hộ nghèo
6	HOÀNG VĂN HIỆP	1	1985	Xóm Quang Vinh	120	10	Hộ cận nghèo
7	NGUYỄN PHÚC SÁNG	1	1982	Xóm Quang Vinh	130	10	Hộ cận nghèo
8	NGUYỄN THỊ NIÊN	2	1968	Xóm Quang Vinh	125	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HOÀNG VĂN THỰ	1	1937	Xóm Quang Vinh	110	10	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN DUY CHUÔNG	1	1956	Xóm Quang Vinh	120	10	Hộ cận nghèo
3	MA THỊ THƯA	2	1977	Xóm Quang Vinh	130	20	Hộ cận nghèo
4	NGUYỄN THỊ HÒA	2	1958	Xóm Quang Vinh	120	10	Hộ cận nghèo
5	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	1	1984	Xóm Quang Vinh	110	10	Hộ cận nghèo
6	NGUYỄN ĐÌNH MINH	1	1951	Xóm Quang Vinh	95	10	Hộ cận nghèo
7	TRỊNH VĂN XUÂN	1	1950	Xóm Quang Vinh	110	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 05 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 10 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 0 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Hồng Văn Lương**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	VŨ THỊ NHU	2	1952	Xóm Hồng Văn Lương	120	40	Hộ nghèo
2	NGUYỄN ĐỨC PHÒNG	1	1983	Xóm Hồng Văn Lương	85	60	Hộ nghèo
3	BÙI TIẾN DŨNG	1	1971	Xóm Hồng Văn Lương	70	60	Hộ nghèo
4	NGUYỄN ĐÌNH HẢO	1	1955	Xóm Hồng Văn Lương	90	30	Hộ nghèo
5	ĐÀO THỊ KỶ	2	1938	Xóm Hồng Văn Lương	100	40	Hộ nghèo
6	BÙI THỊ THƠM	2	1953	Xóm Hồng Văn Lương	135	10	Hộ cận nghèo
7	PHẠM NGỌC ĐẠI	1	1996	Xóm Hồng Văn Lương	90	40	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NÔNG THỊ CHỜ	2	1950	Xóm Hồng Văn Lương	145	40	Hộ không nghèo
2	VŨ VĂN KHƯƠNG	1	1993	Xóm Hồng Văn Lương	170	10	Hộ không nghèo
3	HOÀNG VĂN NGÃI	1	1956	Xóm Hồng Văn Lương	175	20	Hộ không nghèo
4	PHẠM THỊ DUNG	2	1956	Xóm Hồng Văn Lương	130	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 06 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

Bình Yên, ngày.....tháng.....năm 2025

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Hoàng Tiến**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGÔ VĂN SỸ	1	1981	Xóm Hoàng Tiến	140	10	Hộ cận nghèo
2	LÝ VINH CHUNG	1	1954	Xóm Hoàng Tiến	130	30	Hộ nghèo
3	HỨA VĂN KIẾN	1	1990	Xóm Hoàng Tiến	135	30	Hộ nghèo
4	MA THỊ ĐÀO	2	1971	Xóm Hoàng Tiến	130	30	Hộ nghèo
5	HOÀNG THỊ HIỀN	2	1975	Xóm Hoàng Tiến	140	10	Hộ cận nghèo
6	HOÀNG THỊ ĐIỆN	2	1958	Xóm Hoàng Tiến	130	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÈNG THỊ LÝ	1	1979	Xóm Hoàng Tiến	135	20	Hộ cận nghèo
2	ĐOÀN THỊ CHUNG	1	1954	Xóm Hoàng Tiến	140	10	Hộ cận nghèo
3	ĐOÀN THỊ THỰC	1	1961	Xóm Hoàng Tiến	185	0	Hộ không nghèo
4	HỨA NGỌC SANG	2	1985	Xóm Hoàng Tiến	185	0	Hộ không nghèo
5	TRIỆU THỊ HỢP	1	1952	Xóm Hoàng Tiến	170	0	Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 04 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Hòa Lịch**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÃ VĂN QUANG	1	1963	Xóm Hòa Lịch	145		Hộ không nghèo
2	LÝ VĂN TẬP	1	1963	Xóm Hòa Lịch	150		Hộ không nghèo
3	TRẦN THỊ NINH	2	1950	Xóm Hòa Lịch	145		Hộ không nghèo
4	DƯƠNG VĂN HẠT	1	1977	Xóm Hòa Lịch	135	30	Hộ nghèo
5	NGUYỄN THỊ THIỆN	2	1954	Xóm Hòa Lịch	135	30	Hộ nghèo
6	MA VĂN TUYẾN	1	1985	Xóm Hòa Lịch	145		Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÊ VĂN TRỌNG	1	1977	Xóm Hòa Lịch	145		Hộ không nghèo
2	NGUYỄN VĂN CÔNG	1	1971	Xóm Hòa Lịch	140	20	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN VĂN LIÊN	1	1995	Xóm Hòa Lịch	145		Hộ không nghèo
4	NGUYỄN THỊ HẢO	2	1979	Xóm Hòa Lịch	110	20	Hộ cận nghèo
5	DƯƠNG VĂN PHI	1	1968	Xóm Hòa Lịch	155	20	Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 07 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Cầu Đá**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LƯƠNG THỊ LỢI	2	1975	Xóm Cầu Đá	95	40	Hộ nghèo
2	HOÀNG THANH NHÃ	1	1987	Xóm Cầu Đá	120	40	Hộ nghèo
3	ĐINH THỊ NGA	2	1985	Xóm Cầu Đá	110	40	Hộ nghèo
4	NÔNG VĂN DOANH	1	1985	Xóm Cầu Đá	100	40	Hộ nghèo
5	HOÀNG THỊ CHÚC	2	1946	Xóm Cầu Đá	75	40	Hộ nghèo
6	LÝ THỊ THỦY	2	1986	Xóm Cầu Đá	125	40	Hộ nghèo
7	LƯƠNG VĂN QUANG	1	1989	Xóm Cầu Đá	185	10	Hộ không nghèo
8	MA THỊ CAM	2	1938	Xóm Cầu Đá	110	40	Hộ nghèo
9	NÔNG VĂN TẠI	1	1967	Xóm Cầu Đá	170	10	Hộ không nghèo
10	LƯƠNG THỊ LIÊN	2	1963	Xóm Cầu Đá	165	10	Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	1	1974	Xóm Cầu Đá	140	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	1	1982	Xóm Cầu Đá	175	10	Hộ không nghèo
3	LƯƠNG VĂN TRIỀU	1	1988	Xóm Cầu Đá	130	20	Hộ cận nghèo
4	MA THỊ CHUYỂN	2	1957	Xóm Cầu Đá	135	20	Hộ cận nghèo
5	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	1	1949	Xóm Cầu Đá	145	10	Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 07 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 05 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đá Bay**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	I	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	BÙI THỊ NGÁT	2	20/07/1958	Xóm Đá Bay	125	30	Hộ nghèo
2	TRẦN VĂN PHỐ	1	05/10/1974	Xóm Đá Bay	115	30	Hộ nghèo
3	NGUYỄN THỊ SÁU	2	01/06/1960	Xóm Đá Bay	115	30	Hộ nghèo
4	MA ĐÌNH VẬY	1	10/01/1962	Xóm Đá Bay	105	30	Hộ nghèo
5	MA THỊ THỬ	2	01/01/1940	Xóm Đá Bay	115	30	Hộ nghèo
6	MA THỊ THUNG	2	21/11/1963	Xóm Đá Bay	125	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN DÂN	1	01/03/1957	Xóm Đá Bay	140	10	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN VĂN LĨNH	1	23/12/1987	Xóm Đá Bay	195		Hộ không nghèo
3	MA KHẮC QUYẾT	1	20/05/1959	Xóm Đá Bay	140	20	Hộ cận nghèo
4	MA KHẮC KIỂM	1	03/05/1960	Xóm Đá Bay	140	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 06 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Khang Thượng**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ ĐÌNH	2	05/10/1974	Xóm Khang Thượng	105	30	Hộ nghèo
2	MA THỊ PHƯƠNG	2	26/11/1950	Xóm Khang Thượng	115	30	Hộ nghèo
3	NÔNG NGỌC NHẬT	1	20/06/1943	Xóm Khang Thượng	75	30	Hộ nghèo
4	HOÀNG VĂN LỢI	1	19/05/1955	Xóm Khang Thượng	105	30	Hộ nghèo
5	MA QUANG SÁNG	1	23/01/1954	Xóm Khang Thượng	120	30	Hộ nghèo
6	MA KHẮC ÁM	1	25/01/1945	Xóm Khang Thượng			Hộ không nghèo
7	HÀ THỊ AN	2	10/10/1953	Xóm Khang Thượng	120	30	Hộ nghèo
8	MA KHẮC XOA	1	12/12/1972	Xóm Khang Thượng	135	30	Hộ nghèo
9	MA THỊ NHUNG	1	10/03/1971	Xóm Khang Thượng	125	30	Hộ nghèo
10	MA THỊ HƠN	1	04/01/1954	Xóm Khang Thượng	110	30	Hộ nghèo
11	NÔNG THỊ THẢO	1	05/01/1990	Xóm Khang Thượng	100	30	Hộ nghèo
12	MA THỊ Ý	1	06/07/1943	Xóm Khang Thượng	55	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ BẠN	2	20/06/1975	Xóm Khang Thượng	130	20	Hộ cận nghèo
2	NÔNG NGỌC TÀI	1	10/06/1984	Xóm Khang Thượng	135	10	Hộ cận nghèo
3	MA QUANG ĐỨC	1	25/10/1979	Xóm Khang Thượng	130	10	Hộ cận nghèo
4	MA THỊ KHAI	2	04/07/1971	Xóm Khang Thượng	130	10	Hộ cận nghèo
5	HOÀNG HẢI ĐĂNG	1	29/09/1979	Xóm Khang Thượng	135	10	Hộ cận nghèo
6	MA VĂN THƯỢNG	1	05/01/1968	Xóm Khang Thượng	190		Hộ không nghèo
7	MA KHẮC KHIÊM	1	09/01/1975	Xóm Khang Thượng	120	10	Hộ cận nghèo
8	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	2	13/07/1979	Xóm Khang Thượng	130	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 11 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 07 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Khang Trung**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ MUA	2	01/01/1947	Xóm Khang Trung	120	30	Hộ nghèo
2	MA THỊ THẨM	2	23/03/1954	Xóm Khang Trung	105	30	Hộ nghèo
3	LƯỜNG TRUNG VINH	1	22/12/1977	Xóm Khang Trung	95	30	Hộ nghèo
4	LƯỜNG TRUNG VĂN	1	13/03/1946	Xóm Khang Trung	105	30	Hộ nghèo
5	MA THỊ LAI		16/04/1949	Xóm Khang Trung	155		Hộ không nghèo
6	MA THỊ HẠNG	1	11/04/1966	Xóm Khang Trung	110	10	Hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA CÔNG LÚA	1	05/10/1974	Xóm Khang Trung	140	20	Hộ cận nghèo
2	MA CÔNG TRỊ	1	26/11/1950	Xóm Khang Trung	140	10	Hộ cận nghèo
3	LƯỜNG PHÚC SÓM	1	20/06/1943	Xóm Khang Trung	140	10	Hộ cận nghèo
4	LUONG PHUC TUYỀN	1	19/05/1955	Xóm Khang Trung	140	10	Hộ cận nghèo
5	MA THỊ ON	2	23/01/1954	Xóm Khang Trung	140	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 04 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 06 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Khang Trung**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA ĐÌNH CHUNG	2	01/01/1947	Xóm Rèo Cái	115	10	Hộ cận nghèo
2	PHẠM VĂN CÁCH	2	23/03/1954	Xóm Rèo Cái	90	30	Hộ nghèo
3	MA THỊ KIÊM	1	22/12/1977	Xóm Rèo Cái	100	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THU HON	1	05/10/1982	Xóm Rèo Cái	190		Hộ không nghèo
2	NÔNG THỊ BẦY	2	22/01/1972	Xóm Rèo Cái	130	20	Hộ cận nghèo
3	NGUYỄN VĂN PHIẾU	1	05/07/1957	Xóm Rèo Cái	150		Hộ không nghèo
4	LUÔNG THỊ HỒNG	2	19/04/1986	Xóm Rèo Cái	155		Hộ không nghèo
5	NGUYỄN THỊ SỬU	2	27/05/1950	Xóm Rèo Cái	140	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thẩm Kê**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA QUANG TẬP	2	01/01/1947	Xóm Thẩm Kê	100	60	Hộ nghèo
2	MA THỊ MÊNH	2	23/03/1954	Xóm Thẩm Kê	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA QUANG SOẠN	1	04/04/1979	Xóm Thẩm Kê	95	20	Hộ cận nghèo
2	MA THỊ THOM	2	19/07/1963	Xóm Thẩm Kê	185	0	Hộ không nghèo
3	MA KHẮC CÙNG	1	05/02/1961	Xóm Thẩm Kê	165	0	Hộ không nghèo
4	MA THỊ VẪN	2	22/07/1956	Xóm Thẩm Kê	115	10	Hộ cận nghèo
5	MA KHẮC QUÁCH	1	12/08/1983	Xóm Thẩm Kê	115	10	Hộ cận nghèo
6	MA CÔNG MÙA	1	01/04/1959	Xóm Thẩm Kê	115	20	Hộ cận nghèo
7	MA THỊ MÁT	2	25/12/1966	Xóm Thẩm Kê	120	10	Hộ cận nghèo
8	LƯỜNG PHÚC CÚC	1	17/08/1983	Xóm Thẩm Kê	120	0	Hộ cận nghèo
9	MA QUANG KẾT	1	11/09/1950	Xóm Thẩm Kê	120	0	Hộ cận nghèo
10	MAI THỊ PHƯƠNG HOA	2	03/04/1999	Xóm Thẩm Kê	120	10	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 02 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 08 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Thẩm Rộc**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
I	Hộ nghèo (đang quản lý)						
1	MA THỊ LẤY	2	22/06/1950	Xóm Thẩm Rộc	110	30	Hộ nghèo
2	MA KHẮC THỊNH	1	09/10/1954	Xóm Thẩm Rộc	115	30	Hộ nghèo
3	MA THỊ GẮT	2	13/12/1948	Xóm Thẩm Rộc	110	20	Hộ nghèo
4	NÔNG THỊ CẢN	2	01/01/1954	Xóm Thẩm Rộc	110	30	Hộ nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 04 hộ nghèo; - Có: 0 hộ cận nghèo; - Có: 0 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Trung Tâm**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊ HIỆP	2	09/01/1954	Xóm Trung Tâm	135	30	Hộ nghèo
2	MA CÔNG VƯƠNG	1	21/11/1961	Xóm Trung Tâm	135	30	Hộ nghèo
3	MA CÔNG HƯNG	1	14/06/1986	Xóm Trung Tâm	105	40	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	2	10/12/1983	Xóm Trung Tâm	150	20	Hộ không nghèo
2	TRỊNH THỊ HUYỀN	2	09/11/1977	Xóm Trung Tâm	155	10	Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 0 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Yên Hòa**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TRƯƠNG THỊ LAI	2	25/03/1942	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
2	NGUYỄN DUY THUẬN	1	20/08/1962	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
3	HOÀNG NGỌC ĐIỀU	1	20/10/1957	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
4	LƯỜNG PHÚC LỰ	1	25/05/1953	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
5	TRẦN THỊ TƠ	2	02/09/1979	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
6	NGUYỄN VĂN HÙNG	1	01/01/1962	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
7	NGUYỄN VĂN KINH	1	10/12/1956	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
8	NGUYỄN DUY THÌN	1	02/03/1953	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
9	BÙI THỊ XÍU	2	20/01/1960	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
10	NGUYỄN THỊ MẢO	2	01/01/1927	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
11	MA QUANG CHÚ	1	05/10/1952	Xóm Yên Hoà	135	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN VĂN TIẾN	1	02/08/1959	Xóm Yên Hoà	140	20	Hộ cận nghèo
2	NGUYỄN CÔNG CHỎI	2	01/05/1956	Xóm Yên Hoà	130	20	Hộ cận nghèo
3	PHẠM NGỌC NHỰ	1	07/10/1955	Xóm Yên Hoà	120	20	Hộ cận nghèo
4	TRẦN XUÂN THUẬN	2	12/06/1960	Xóm Yên Hoà	155		Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 11 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 01 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Yên Thông**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ NHIỆM	2	25/12/1954	Xóm Yên Thông	135	10	Hộ cận nghèo
2	PHÙNG THỊ HOA	2	10/18/1962	Xóm Yên Thông	135	30	Hộ nghèo
3	LƯỜNG PHÚC HIỆP	1	25/11/1981	Xóm Yên Thông	135	30	Hộ nghèo
4	MA VĂN QUANG	1	19/8/1949	Xóm Yên Thông	160		Hộ không nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LƯỜNG PHÚC TRÀ	1	01/07/1981	Xóm Yên Thông			Hộ không nghèo
2	MA THỊ TOÀN	2	26/04/1950	Xóm Yên Thông			Hộ không nghèo
3	ĐÀO PHÚC HOÀNG	1	10/20/1993	Xóm Yên Thông	110	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		- Có: 02 hộ nghèo; - Có: 02 hộ cận nghèo; - Có: 03 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đồng Đầu**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HÀ THỊ THÙY	2	05/01/1983	Xóm Đồng Đầu	165		Hộ không nghèo
2	MA CÔNG TƯỜNG	1	14/12/1957	Xóm Đồng Đầu	140	20	Hộ cận nghèo
3	TRIỆU THỊ TÂM	2	03/01/1991	Xóm Đồng Đầu	105	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HOÀNG VĂN TUY	1	05/05/1985	Xóm Đồng Đầu	155		Hộ không nghèo
2	MA KHÁNH LINH	1	20/10/2000	Xóm Đồng Đầu	135	20	Hộ cận nghèo
3	MA THỊ XANH	1	10/03/1968	Xóm Đồng Đầu	145		Hộ không nghèo
<b>Kết quả phân loại sau khi rà soát</b>		<b>- Có: 01 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 02 hộ cận nghèo;</b> <b>- Có: 03 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Đồng Rằm**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	TRIỆU VĂN QUÂN	1	20/08/1958	Xóm Đồng Rằm	130	30	Hộ nghèo
2	MA THỊ HUYÊN	2	02/04/1989	Xóm Đồng Rằm	135	30	Hộ nghèo
3	TRIỆU VĂN NGỌC	1	04/02/1964	Xóm Đồng Rằm	130	30	Hộ nghèo
4	MA THỊNH ĐẸP	1	28/03/1983	Xóm Đồng Rằm	135	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA THỊNH BẰNG	1	03/02/1991	Xóm Đồng Rằm	130	20	Hộ cận nghèo
2	NÔNG THỊ HÒA	2	16/08/1975	Xóm Đồng Rằm	145		Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có:04 hộ nghèo;					
		- Có : 01 hộ cận nghèo					
		- Có: 01 hộ cận nghèo;					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Góc Thông**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MA KHÁNH TINH	2	17/10/1940	Xóm Góc Thông	155		Hộ không nghèo
2	ĐINH VĂN ĐÀM	2	06/10/1965	Xóm Góc Thông	160		Hộ không nghèo
3	HÀU VĂN ĐÁ	1	04/03/1988	Xóm Góc Thông		30	Hộ nghèo
4	PHÙNG THỊ ĐẮC	1	01/01/1943	Xóm Góc Thông	145		Hộ không nghèo
5	ĐOÀN THỊ THIỀU (Đình Ngọc Hiệp)		4/10/1971	Xóm Góc Thông		30	Hộ Nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	ĐOÀN THỊ GIANG	1	14/08/1961	Xóm Góc Thông		20	Hộ cận nghèo
2	PHÙNG THỊ THU	1	18/09/1971	Xóm Góc Thông	175		Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 02 hộ nghèo; - Có: 01 hộ Cận nghèo - Có: 04 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Khau Điều**

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	LÊ THỊ DÍNH	2	26/12/1958	Xóm Khau Điều	100	40	Hộ nghèo
2	LÊ THỊ DUNG	2	08/07/1950	Xóm Khau Điều	110	40	Hộ nghèo
3	BÙI THỊ TƯƠI	2	13/03/1959	Xóm Khau Điều	105	40	Hộ nghèo
4	LƯƠNG THỊ NGÀ	2	24/05/1978	Xóm Khau Điều	120	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HOÀNG THỊ ĐIỂM	1	05/10/1982	Xóm Khau Điều	130	20	Hộ cận nghèo
2	TRIỆU THỊ LAN	2	22/01/1972	Xóm Khau Điều	140	20	Hộ cận nghèo
3	VI THỊ YÊU	1	05/07/1957	Xóm Khau Điều	140	20	Hộ cận nghèo
4	LÝ VĂN BÀN	2	19/04/1986	Xóm Khau Điều	115	30	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 04 hộ nghèo; - Có: 04 hộ cận nghèo; - Có: 0 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Khau Lầu**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	MÔNG VĂN ĐOÀN	1	20/08/1984	Xóm Khau Lầu	105	30	Hộ nghèo
2	LUÂN THỊ TÌNH	2	14/08/1956	Xóm Khau Lầu	125	30	Hộ nghèo
3	MA THỊ THÌN	2	10/01/1976	Xóm Khau Lầu	135	30	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	VI VĂN TƯỜNG	1	22/09/1965	Xóm Khau Lầu	140	20	Hộ cận nghèo
2	MAI THỊ HƯƠNG CHÀ	2	12/09/1982	Xóm Khau Lầu	130	20	Hộ cận nghèo
3	MA LĂNG HUY	1	21/7/1995	Xóm Khau Lầu	115	20	Hộ cận nghèo
4	LÝ THỊ PHÚC	2	11/11/1975	Xóm Khau Lầu	125	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả sau phân loại</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ cận nghèo;</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Làng Quặng**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
I	Hộ nghèo (đang quản lý)						
1	TRẦN VĂN HỘI	2	17/07/1986	Xóm Làng Quặng	130	30	Hộ nghèo
2	LA THỊ NHIỀU	1	03/03/1941	Xóm Làng Quặng	145		Hộ không nghèo
II	Hộ cận nghèo (đang quản lý)						
1	MA TUYẾN DỪNG	1	16/10/1978	Xóm Làng Quặng	100	10	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 01 hộ nghèo; - Có: 01 hộ cận nghèo; - Có: 01 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Làng Vệ

(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
I	Hộ nghèo (đang quản lý)						
1	LỘC VĂN HỘI	1	08/08/1979	Xóm Làng Vệ	155		Hộ không nghèo
2	NGUYỄN THỊ NHUNG	2	24/05/1952	Xóm Làng Vệ	105	30	Hộ nghèo
3	HOÀNG VĂN HIỆP	1	27/07/1976	Xóm Làng Vệ	195		Hộ không nghèo
II	Hộ cận nghèo (đang quản lý)						
	HOÀNG NGỌC HẬU	1	15/05/1981	Xóm Làng Vệ	185		Hộ không nghèo
	HOÀNG VĂN HƯNG	1	04/08/1982	Xóm Làng Vệ	170		Hộ không nghèo
1	HOÀNG VĂN BỀN	1	08/10/1987	Xóm Làng Vệ	200		Hộ không nghèo
2	HOÀNG VĂN THĂNG	1	25/04/1980	Xóm Làng Vệ	180		Hộ không nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 01 hộ nghèo; - Có: 06 hộ không nghèo;					

BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Nà To**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Hộ nghèo (đang quản lý)</b>						
1	HÀ VĂN SẴM	1	06/09/1986	Xóm Nà To	115	30	Hộ nghèo
2	HÀ THỊ ĐĂNG	2	15/06/1955	Xóm Nà To	115	20	Hộ cận nghèo
3	HOÀNG NGỌC CÔNG	1	26/06/1988	Xóm Nà To	135	20	Hộ cận nghèo
4	NÔNG THỊ LAI	2	27/10/1954	Xóm Nà To	95	30	Hộ nghèo
5	NGÔ THỊ CAM	2	27/07/1964	Xóm Nà To	135	40	Hộ nghèo
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo (đang quản lý)</b>						
1	NGUYỄN THỊ YÊN	2	24/05/1955	Xóm Nà To	135	20	Hộ cận nghèo
2	NỊNH THỊ XUÂN	2	27/09/1962	Xóm Nà To	145		Hộ không nghèo
3	NGUYỄN THỊ LỮY	2	02/06/1972	Xóm Nà To	145		Hộ không nghèo
4	ĐINH VĂN TUẤN	1	21/09/1981	Xóm Nà To	125	20	Hộ cận nghèo
<b>Kết quả sau rà soát</b>		<b>- Có: 03 hộ nghèo;</b> <b>- Có: 04 hộ cận nghèo</b> <b>- Có: 02 hộ không nghèo.</b>					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	

**DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xóm Nong Nia**  
(Kèm theo Thông báo số: 78/TB-UBND ngày 21/11/2025)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi ở hiện tại (Ghi theo thứ tự thôn/xóm)	Kết quả rà soát		
					Điểm B1	Điểm B2	Phân loại
A	B	1	2	3	4	5	6
I	Hộ nghèo (đang quản lý)						
II	Hộ cận nghèo (đang quản lý)						
1	LÊ VĂN CHÍNH	1	15/10/1978	Xóm Nong Nia	135	20	Hộ cận nghèo
2	HÀ THỊ HỘI	2	28/04/1983	Xóm Nong Nia	140	20	Hộ cận nghèo
3	DƯƠNG VĂN PHÚ	1	27/07/1969	Xóm Nong Nia	135	20	Hộ cận nghèo
4	LÊ VĂN HÙNG	1	22/12/1977	Xóm Nong Nia	135	20	Hộ cận nghèo
5	HOÀNG VĂN BIÊN	1	09/12/1979	Xóm Nong Nia	135	20	Hộ cận nghèo
Kết quả phân loại sau khi rà soát		- Có: 0 hộ nghèo; - Có: 05 hộ cận nghèo; - Có: 0 hộ không nghèo.					

**BẢNG PHÂN LOẠI HỘ SAU RÀ SOÁT**

Tổng điểm B1	Tổng điểm B2	
	Từ 30 điểm trở lên	Dưới 30 điểm
Từ 140 điểm trở xuống	Hộ nghèo (HN)	Hộ cận nghèo (HCN)
Trên 140 điểm	Không phải hộ nghèo, cận nghèo (KN)	